

Số: 1594/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2021
đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình
Dân dụng và Công nghiệp tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 4530/STC-HCSN&DN ngày 15/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2021 đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh.

1. Quyết toán nguồn thu:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Quyết toán
I	Tổng cộng	12.272.517.473	7.869.956.019
1	Nguồn được trích theo kế hoạch	7.836.356.000	3.433.794.546
2	Nguồn năm trước chuyển sang	2.936.161.473	2.936.161.473
3	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn bao gồm các khoản thuế	1.500.000.000	1.500.000.000
4	Nguồn khác		

II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	0	0
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)	12.272.517.473	7.869.956.019

2. Quyết toán các khoản chi:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối	Quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	Tổng cộng	11.497.024.241	5.879.258.110	0
I	Chi thường xuyên	10.800.424.241	5.840.536.735	
1	Tiền lương	3.589.801.127	3.486.110.918	
2	Tiền công	250.000.000	57.000.000	
3	Các khoản phụ cấp lương	414.432.000	149.314.110	
4	Các khoản trích nộp theo lương	719.390.178	717.091.042	
5	Chi khen thưởng	650.000.000	53.789.000	
6	Chi phúc lợi tập thể	338.500.000	13.579.500	
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	264.000.000	74.176.997	
8	Chi mua vật tư văn phòng	651.395.000	396.809.900	
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	305.216.600	202.074.796	
10	Chi hội nghị	110.000.000	31.049.700	
11	Chi thanh toán công tác phí	550.000.000	147.304.000	
12	Chi phí thuê mướn	150.000.000	12.000.000	
13	Chi đoàn đi công tác nước ngoài			
14	Chi đoàn vào	100.000.000		
15	Khấu hao tài sản cố định	162.000.000		
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	307.500.000	9.305.000	
17	Chi phí khác	2.238.189.336	490.931.772	
18	Dự phòng			
II	Chi không thường xuyên	696.600.000	38.721.375	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0		
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	526.600.000		
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	0		

4	Chi thực hiện tinh giản biên chế	170.000.000	38.721.375	
5	Chi khác	0		

3. Quyết toán trích lập các Quỹ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số quyết toán
	Tổng số	1.990.697.909
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	497.674.477
2	Quỹ bổ sung thu nhập	1.300.000.000
3	Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	193.023.432

Điều 2: Phân bổ giá trị quyết toán chi phí quản lý dự án năm 2021 của các dự án cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)
	Tổng cộng	100	7.869.956.019
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh	2,60	205.000.000
2	Công viên tỉnh Quảng Ngãi - hạng mục đường trục phía nam công viên	2,63	207.000.000
3	Nhà khách A3	13,03	1.025.791.000
4	Hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh, trồng cây xanh cách ly	2,03	160.000.000
5	Trường THPT - chuyên Lê Khiết đạt chuẩn trường chuyên (gđ 1)	1,84	145.000.000
6	Bệnh viện Y học Cổ Truyền tỉnh Quảng Ngãi	10,54	829.605.000
7	Trung Tâm Nội Tiết tỉnh	1,74	137.000.000
8	Khu du lịch văn hóa Thiên Ân	1,40	110.000.000
9	Cải tạo nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn y tế cải thiện môi trường BVĐK Dung Quất và BVĐK TP. Quảng Ngãi (phần Bệnh viện Dung Quất)	1,98	156.000.000
10	Cải tạo nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn y tế cải thiện môi trường BVĐK Dung Quất và BVĐK TP. Quảng Ngãi (phần Bệnh viện Thành phố)	1,78	140.000.000
11	Sửa chữa nâng cấp, mở rộng bệnh viện Tâm Thần tỉnh Quảng Ngãi	1,21	95.000.019

12	Đường Du lịch vào khu di chỉ Văn Hóa Sa Huỳnh:	5,72	450.000.000
13	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Mỹ Khê (bổ sung)	5,93	466.884.000
14	Khu di tích mộ cụ Bùi Tá Hán	4,64	365.082.000
15	Toà án huyện Sơn Tịnh	1,32	103.594.000
16	Viện kiểm sát Sơn Tịnh	1,02	80.000.000
17	XD điểm định canh thôn Nước nẻ	1,03	81.000.000
18	XD điểm định canh thôn Gõ	1,25	98.000.000
19	XD điểm định canh thôn Mai Lãnh Hạ	1,27	100.000.000
20	Sửa chữa nâng cấp trường CD Đặng Thùy Trâm	2,10	165.000.000
21	Xây dựng trụ sở KBNN Quảng Ngãi	12,77	1.005.000.000
22	Xây dựng trụ sở KBNN Nghĩa Hành	3,88	305.000.000
23	Tòa án Thành phố	2,60	205.000.000
24	Cục thống kê tỉnh	2,10	165.000.000
25	Trụ sở PGD Ngân hàng chính sách huyện Mộ Đức	1,97	155.000.000
26	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Quảng Ngãi	1,33	105.000.000
27	Sửa chữa, cải tạo kho lưu trữ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	1,59	125.000.000
28	Xây dựng trụ sở làm việc Chi cục thuế huyện Trà Bồng	7,31	575.000.000
29	VP tỉnh ủy	1,40	110.000.000

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHh360.

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh